

Số: /BC-SNN

Lai Châu, ngày tháng năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất trên địa bàn tỉnh năm 2022**

Thực hiện Công văn số 4516/UBND-KTN ngày 01/12/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất trên địa bàn tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Kế hoạch 2731/KH-SNN ngày 15/12/2022 Kiểm tra việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp tại các huyện, thành phố. Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất trên địa bàn tỉnh năm 2022, như sau:

#### **I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, QUẢN TRIỆT, HỌC TẬP CÁC NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Công tác tuyên truyền, quản triệt Nghị quyết**

- Ngay sau khi các đề án, nghị quyết được ban hành, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị phổ biến, triển khai để các Doanh nghiệp, HTX, Tổ hợp tác, nhóm hộ và hộ nông dân trên địa bàn tỉnh nắm được, triển khai thực hiện.

- Thực hiện tuyên truyền nội dung Nghị quyết trên các Hội nghị, diễn đàn của tỉnh như: Hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch UBND tỉnh với hội viên, nông dân và cán bộ Hội Nông dân năm 2021; Diễn đàn trực tuyến “Thanh niên với khởi nghiệp, lập nghiệp” năm 2021.

- Triển khai Hội nghị tập huấn các chính sách về nông, lâm nghiệp cho đối tượng là lãnh đạo, kế toán, cán bộ chuyên môn của các phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố; phòng Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thành phố; Ban Quản lý rừng phòng hộ các huyện và các cán bộ chuyên môn của Sở Nông nghiệp và PTNT.

##### **2. Công tác cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định: số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; số 423/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; số 68/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025 làm căn cứ để các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND, ngày 08/9/2021 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn giống, cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh. Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh ban hành ngành hàng, sản phẩm quan trọng khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tỉnh Lai Châu; Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục, ngành hàng sản phẩm quan trọng khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tỉnh Lai Châu.

- Xây dựng và ban hành hướng dẫn số 2088/HD-SNN ngày 15/10/2021 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững, để hướng dẫn UBND các huyện, thành phố các nội dung triển khai thực hiện và trình tự thủ tục thanh quyết toán nguồn vốn. Ban hành Công văn 925/SNN-KHTC ngày 17/5/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Hướng dẫn số 2088/HD-SNN ngày 15/10/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND, ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND, ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Xây dựng và ban hành hướng dẫn số 783/HD-SNN ngày 27/4/2020 Hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Tài chính ban hành Công văn số 325/CV:TC-NN&PTNT ngày 17/3/2021 hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 05-NQ/TU NGÀY 22/02/2021 CỦA TỈNH ỦY VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Kết quả thực hiện**

#### **1.1. Về phát triển cây mắc ca**

Mục tiêu Nghị quyết giao trồng mới 4.000ha. Đã trồng mới đạt 2.631ha, đạt 65,8% chỉ tiêu Nghị quyết (năm 2021 trồng mới: 1.689ha; năm 2022 trồng mới: 942ha). Nâng tổng diện tích mắc ca trên địa bàn toàn tỉnh đạt 6.376ha. Hiện chưa có đề xuất hỗ trợ theo chính sách.

#### **1.2. Cây chè**

##### **a) Phát triển chè tập trung**

Mục tiêu đề Nghị quyết trồng mới 2.400 ha. Đã thực hiện trồng mới đạt 1.317,5 ha, đạt 54,9% chỉ tiêu Nghị quyết (năm 2021 trồng mới: 759 ha; năm 2022 trồng mới: 559ha). Nâng tổng diện tích chè trên địa bàn tỉnh ước đạt 9.286,5 ha. Tổng kinh phí hỗ trợ 71.464,28 triệu đồng. Nhu cầu trồng mới còn khoảng trên 700 ha để đạt mục tiêu Nghị quyết.

#### ***b) Phát triển và bảo tồn chè cổ thụ***

Mục tiêu Nghị quyết giao trồng mới 300 ha. Thực hiện trồng mới đạt 108ha, đạt 36% chỉ tiêu Nghị quyết (huyện Tam Đường 40ha; huyện Phong Thổ 55ha; huyện Sìn Hồ 8ha, Tân Uyên 5 ha), nâng tổng diện tích chè cổ thụ toàn tỉnh lên 160,5ha. Thực hiện chăm sóc, bảo tồn 2.342 cây chè cổ thụ hiện có (huyện Tam Đường: 1.204 cây; huyện Sìn Hồ: 1.038 cây; huyện Mường Tè: 100 cây). Tổng kinh phí hỗ trợ 4.942,33 triệu đồng.

### **1.3. Lúa hàng hóa**

Mục tiêu Nghị quyết giao 3.500 ha. Diện tích lúa hàng hóa thực hiện đến năm 2022 đạt 3.936 ha, vượt 12,5% chỉ tiêu Nghị quyết. Trong đó diện tích thực hiện theo chính sách hỗ trợ của Đề án năm 2021 đạt 100 ha, năm 2022 đạt 527 ha. Tổng kinh phí hỗ trợ 1.660,8 triệu đồng.

### **1.4. Phát triển cây ăn quả tập trung**

Mục tiêu Nghị quyết giao trồng mới 1.600 ha. Thực hiện trồng mới 864,4 ha, đạt 54% chỉ tiêu Nghị quyết, trong đó năm 2021 trồng mới: 572,7ha; năm 2022 trồng mới: 291,7ha. Chủ yếu là cây xoài, chuối, chanh leo. Tổng kinh phí hỗ trợ 9.308,75 triệu đồng.

### **1.5. Phát triển rau, hoa, củ quả tập trung**

#### ***a) Phát triển hoa địa lan***

Mục tiêu Nghị quyết giao hỗ trợ trồng mới 74.150 chậu. Thực hiện phát triển mới 18.341 chậu trong năm 2022, đạt 24,7% chỉ tiêu Nghị quyết, trong đó Tân Uyên: 2.191 chậu; Phong Thổ: 16.000 chậu; Sìn Hồ 150 chậu. Kinh phí hỗ trợ 4.035 triệu đồng.

#### ***b) Phát triển rau, hoa, củ quả tập trung***

Mục tiêu Nghị quyết giao phát triển mới 120 ha. Đã hỗ trợ phát triển mới 3ha rau tập trung tại huyện Tân Uyên, đạt 2,5% chỉ tiêu Nghị quyết, nâng tổng diện tích rau, hoa tập trung toàn tỉnh lên 83ha. Kinh phí hỗ trợ 60 triệu đồng.

### **1.6. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi tập trung**

- Hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi: Đã thực hiện hỗ trợ làm 29.917 m<sup>2</sup> chuồng trại chăn nuôi tập trung, trong đó năm 2021 thực hiện: 6.455 m<sup>2</sup> chuồng trại; năm 2022 thực hiện: 22.776 m<sup>2</sup> chuồng trại.

- Hỗ trợ hầm biogas: Thực hiện hỗ trợ làm 1.691 m<sup>3</sup> hầm biogas xử lý chất thải chăn nuôi trong năm 2022.

- Hỗ trợ đệm lót sinh học: Thực hiện hỗ trợ 450m<sup>2</sup> đệm lót sinh học trong chăn nuôi năm 2022.

- Trồng cỏ và cây thức ăn gia súc phục vụ chăn nuôi: Đã thực hiện hỗ trợ trồng mới 112,6 ha cỏ và cây thức ăn gia súc phục vụ chăn nuôi, trong đó năm 2021 thực hiện 4,5ha; năm 2022 thực hiện 108,1 ha.

Kinh phí hỗ trợ 23.347,81 triệu đồng (Trong đó hỗ trợ chuồng trại là 17.538,6 triệu đồng; bioga 2.367,4 triệu đồng, đệm lót 63 triệu đồng, trồng cỏ 3378,81 triệu đồng).

### **1.7. Phát triển nuôi ong tập trung**

Mục tiêu Nghị quyết giao hỗ trợ mới 4.389 thùng ong. Đã thực hiện hỗ trợ phát triển mới 4.643 thùng ong, đạt 103,2% chỉ tiêu Nghị quyết, trong đó năm 2021 hỗ trợ 390 thùng, năm 2022 hỗ trợ 4.141 thùng.

Kinh phí hỗ trợ 3.250,1 triệu đồng.

### **1.8. Phát triển nuôi cá lồng**

Mục tiêu Nghị quyết giao phát triển mới 45.000m<sup>3</sup>, đã hỗ trợ phát triển mới 45.036 m<sup>3</sup>, đạt 100,1% chỉ tiêu Nghị quyết. Nâng tổng thể tích nuôi cá lồng đạt 180.956 m<sup>3</sup>. Kinh phí hỗ trợ 7.783,484 triệu đồng; trong đó: Ngân sách tỉnh 3.285,242 triệu đồng, vốn lồng ghép 1.384 triệu đồng, vốn đối ứng 3.204,242 triệu đồng.

### **1.9. Phát triển các sản phẩm OCOP**

Mục tiêu Nghị quyết giao hỗ trợ phát triển trên 100 sản phẩm. Đến thời điểm hiện tại (năm 2021 và đợt 1 năm 2022) đã thực hiện hỗ trợ phát triển và công nhận 77 sản phẩm OCOP trên địa bàn toàn tỉnh, đạt 77% chỉ tiêu Nghị quyết cụ thể:

- Hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ: 77 sản phẩm.
- Hỗ trợ in, mua, thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm: 73 sản phẩm.
- Hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất: Chưa thực hiện.
- Thưởng cho chủ thể: 77 sản phẩm.
- Hỗ trợ điểm giới thiệu bán hàng: 03 điểm.
- Tổng kinh phí hỗ trợ: 3.264 triệu đồng.

### **1.10. Hỗ trợ nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới**

Đã thực hiện hỗ trợ phát triển 01 ha nhà màng, nhà lưới tại huyện Tân Uyên trong năm 2022. Kinh phí hỗ trợ 1.000 triệu đồng.

### **1.11. Hỗ trợ áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất**

Đã thực hiện hỗ trợ cấp giấy chứng nhận Việt Gap cho 02 sản phẩm, gồm: 01ha quả Dâu tây và 20 ha chè tại huyện Tân Uyên trong năm 2022. Ngoài ra

huyện Than Uyên còn sử dụng lồng ghép nguồn vốn, đã hỗ trợ cấp giấy chứng nhận Việt Gap cho 19ha lúa tẻ tròn. Kinh phí hỗ trợ 200 triệu đồng.

*(Chi tiết theo biểu 1 kèm theo)*

### **1.12. Kinh phí thực hiện**

- Tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện đề án phê duyệt: 538.341,5 triệu đồng.
- Kinh phí đã hỗ trợ: 125.818,312 triệu đồng.
- Kinh phí còn lại: 412.523,188 triệu đồng.

## **2. Đánh giá chung**

### **2.1. Kết quả đạt được**

- Các cấp ủy, cơ quan, mặt trận tổ quốc đã kịp thời cụ thể hóa, tập trung tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia thực hiện. Nghị quyết đã dần đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển nông nghiệp mà Nghị quyết Đảng bộ tỉnh đề ra.

- Các chỉ tiêu thực hiện vượt: Diện tích sản xuất lúa hàng hóa tập trung đến thời điểm hiện tại đạt 3.936 ha, vượt 436 ha; Phát triển nuôi cá nước lạnh đạt 20.087m<sup>3</sup>, vượt 2.087m<sup>3</sup>; phát triển mới đàn ong đạt 4.643 thùng, vượt 254 thùng; phát triển mới lồng cá trên lồng hồ thủy điện 45.036 m<sup>3</sup>, vượt chỉ tiêu đề ra.

Các chỉ tiêu thực hiện đạt trên 50% chỉ tiêu Nghị quyết gồm: trồng mới cây mắc ca đạt 65,8%; trồng mới chè 1.425 ha, đạt 59,4%; trồng mới cây ăn quả tập trung 864,4 ha, đạt 54%; hỗ trợ phát triển mới 4.000 thùng ong, đạt 91,1%; Hỗ trợ các sản phẩm OCOP 77 sản phẩm, đạt 77%... Nhiều chỉ tiêu sẽ vượt Nghị quyết đề ra.

- Nghị quyết được triển khai đã góp phần thay đổi tư duy sản xuất của người dân, chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm. Nâng cao giá trị và thu nhập cho người nông dân. Đã dần hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn như vùng lúa hàng hóa, vùng chè, mắc ca, cao su, cây ăn quả... Chuyển dần tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy sang tư duy sản xuất hàng hóa, kinh tế nông nghiệp.

- Một số nội dung chính sách ban hành kèm theo Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND đạt khả thi như: Phát triển vùng chè tập trung; phát triển đàn ong; trồng cây địa lan, hỗ trợ chăn nuôi chuồng trại, hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP ....

### **2.2. Tồn tại vướng mắc**

- Một số chủ tiêu đã thực hiện đạt hoặc gần đạt, chỉ sau 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, trong khi vẫn còn nhiều tiềm năng và nhu cầu để phát triển, như chỉ tiêu phát triển đàn ong; trồng hoa địa lan (tại huyện Sìn Hồ). Một số chỉ tiêu có huyện không xác định trong đề án nhưng lại đăng ký triển khai thực hiện, trong khi có huyện được giao chỉ tiêu theo đề án nhưng không có khả

năng thực hiện hoặc thực hiện đạt thấp so với chỉ tiêu được giao (phát triển đàn ong, phát triển mới hoa địa lan, hỗ trợ chăn nuôi tập trung...).

- Một số chính sách khó thực hiện, còn hạn chế, thực hiện hỗ trợ có kết quả đạt thấp, như: Hỗ trợ lúa hàng hóa tập trung (năm 2022 hỗ trợ đạt 527/3.500ha, tương ứng 15,06%); hỗ trợ trồng rau, hoa, củ quả tập trung (đạt 3/120ha, tương ứng 2,5%) ...

- Liên kết sản xuất chưa mạnh, nhất là các doanh nghiệp lớn (Đồng Giao, NaFood). Công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện đề án, chính sách có nơi còn hạn chế. Việc hình thành các vùng sản xuất tập trung, sản phẩm chủ lực còn chậm.

- Kết quả thực hiện Nghị quyết chủ yếu tập trung vào các nội dung dễ triển khai như: phát triển trồng chè, trồng cây ăn quả, hỗ trợ phát triển đàn ong, hỗ trợ phát triển chuồng trại chăn nuôi... Đối với các nội dung như: phát triển trồng chè cổ thụ; phát triển trồng rau, hoa củ quả tập trung, hỗ trợ áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trong sản xuất ... thực hiện còn đạt thấp.

### **3. Đề xuất, kiến nghị**

Ba chương trình MTQG với số vốn sự nghiệp dự kiến phân bổ là 3.401.073 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn dự kiến là 1.288.266 triệu đồng. Các nội dung hỗ trợ của 03 chương trình cho sản xuất nông nghiệp, nông thôn gồm: Hỗ trợ liên kết sản xuất, hỗ trợ theo đề xuất của cộng đồng, hỗ trợ theo nhiệm vụ đặt hàng, tập trung hình thành các vùng sản xuất các sản phẩm chủ lực: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, dược liệu. Có đối tượng, nội dung hỗ trợ trùng với đối tượng, nội dung của đề Nghị quyết 03-NQ/TU và Nghị quyết 05-NQ/TU. Vì vậy nhu cầu về vốn ngân sách tỉnh thực hiện các Nghị quyết sẽ giảm. Việc cân đối vốn để thực hiện các nhiệm vụ sẽ linh hoạt hơn. Vì vậy đề nghị Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh cho phép điều chỉnh các nhiệm vụ trong Nghị quyết bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn nhưng vẫn hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, không vượt tổng vốn ngân sách dự kiến bố trí cho Đề án, cụ thể:

- Điều chỉnh các chỉ tiêu nhiệm vụ giữa các huyện, thành phố trong tỉnh.
- Tăng các chỉ tiêu nhiệm vụ có khả năng phát triển mạnh, hiệu quả và nhu cầu của nhân dân.
- Hàng năm tổng hợp báo cáo Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về kết quả thực hiện.

## **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 03-NQ/TU NGÀY 03/02/2021 CỦA TỈNH ỦY VỀ PHÁT TRIỂN RỪNG BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

### **1. Kết quả thực hiện**

#### **1.1. Về tỷ lệ che phủ rừng**

Mục tiêu Nghị quyết giao đến năm 2025 đạt 54%. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2021 đạt 51,44%, năm 2022 ước đạt 51,7% tăng 1,2 điểm % so với năm 2020.

### **1.2. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên**

- Năm 2021: Thực hiện khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 3.161 ha trên địa bàn các huyện Tam Đường, Sìn Hồ và Thành phố Lai Châu.

- Năm 2022: Kế hoạch giao cho các huyện là 14.777 ha; tuy nhiên, các huyện, thành phố không thực hiện được do đến ngày 22/11/2022 mới được Trung ương bổ sung kinh phí thực hiện theo Quyết định số 1449/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Mặc dù không thực hiện khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, nhưng UBND các huyện thành phố đã làm tốt công tác tuyên truyền để người dân thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ và phòng cháy chữa cháy đối với những diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh trên địa bàn.

### **1.3. Về trồng rừng**

Qua 2 năm triển khai thực hiện nghị quyết, tính đến thời điểm báo cáo diện tích rừng trồng mới là 4.636 ha đạt 32% so với mục tiêu nghị quyết đã đề ra, cụ thể như sau:

\* Năm 2021: Diện tích rừng trồng mới 1.643 ha, trong đó:

- Trồng rừng phòng hộ: 237 ha.
- Trồng rừng sản xuất loài cây Quế: 1.071 ha.
- Trồng rừng sản xuất gỗ lớn: 335 ha.

\* Năm 2022: Diện tích rừng trồng mới 2.993 ha, trong đó:

- Trồng rừng phòng hộ: 213 ha.
- Trồng rừng sản xuất loài cây Quế: 2.023 ha.
- Trồng rừng sản xuất gỗ lớn: 757 ha.

- Công tác quản lý cây giống: Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát cây giống trước khi đưa vào trồng rừng hằng năm, chỉ đưa vào trồng rừng đối với cây giống có nguồn gốc xuất xứ và đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định của UBND tỉnh.

- Công tác trồng cây xanh phân tán: Hằng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ động tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương hưởng ứng, phát động “Tết trồng cây” đời đời nhớ ơn Bác Hồ theo các văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Kết quả thực hiện hoạt động trồng cây phân tán như sau:

- Năm 2021: Đã thực hiện trồng 315.000 cây phân tán (cây trồng tại khu vực đô thị là 5.000 cây; cây trồng tại khu vực nông thôn là 310.000 cây).

- Năm 2022: Đến thời điểm báo cáo, các địa phương đã thực hiện trồng, vận động các tổ chức, cá nhân trồng trên 279.000 cây phân tán (cây trồng tại khu vực đô thị là 2.000 cây; cây trồng tại khu vực nông thôn là 277.000 cây).

(Chi tiết theo biểu 2 kèm theo)

**d) Kinh phí đầu tư, hỗ trợ:** Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ trồng rừng (theo nghị quyết 08/2021/NQ-HĐND) ước đạt 44.069 triệu đồng (đầu tư trồng rừng phòng hộ 1.746 triệu đồng; hỗ trợ trồng rừng sản xuất loài cây Quế 33.735 triệu đồng; hỗ trợ trồng cây lâm nghiệp khác 8.588 triệu đồng).

#### **1.4. Về hỗ trợ mở đường lâm nghiệp vào khu trồng rừng sản xuất**

Mục tiêu Nghị quyết giao hỗ trợ mở 150km đường lâm nghiệp. Hỗ trợ mở đường lâm nghiệp vào khu trồng rừng sản xuất sử dụng nguồn vốn đầu tư công được UBND tỉnh phân bổ cho UBND các huyện theo quy định. Hiện tại các địa phương đang triển khai các công đoạn chuẩn bị đầu tư.

#### **1.5. Các mục tiêu, nhiệm vụ khác**

- Tham mưu UBND tỉnh rà soát ranh giới, diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh và gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT tích hợp vào quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

- Xây dựng đề cương, dự toán thực hiện điều tra đa dạng sinh học, phạm vi, ranh giới phục vụ thành lập khu rừng đặc dụng tại huyện Mường Tè; tuy nhiên, đến thời điểm báo cáo chưa tổ chức thực hiện do chưa được bố trí kinh phí.

- Chỉ đạo Ban Quản lý rừng phòng hộ các huyện xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, đến nay 07 Ban Quản lý rừng phòng hộ đã xây dựng xong phương án và đang trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp nghiên cứu đầu tư phát triển rừng và xây dựng nhà máy chế biến. Đến nay đã thu hút được 01 doanh nghiệp vào đầu tư trồng rừng sản xuất trên địa bàn huyện Than Uyên, năm 2022 doanh nghiệp đã thực hiện trồng 224 ha Quế và 36 ha rừng sản xuất gỗ lớn; đối với mục tiêu thu hút doanh nghiệp xây dựng nhà máy chế biến lâm sản, hiện tại đã có một số doanh nghiệp đang khảo sát xin chủ trương đầu tư xây dựng nhà máy.

#### **1.6. Kinh phí thực hiện**

- Tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện đề án phê duyệt: 749.466 triệu đồng.

- Kinh phí đã hỗ trợ: 44.069 triệu đồng.

- Kinh phí còn lại: 705.397 triệu đồng.

### **2. Đánh giá chung**

#### **2.1. Kết quả đạt được**

- Một số chỉ tiêu đã được các địa phương thực hiện khá tốt, như: Chỉ tiêu hỗ trợ trồng rừng sản xuất loài cây Quế ước đạt gần 60%; chỉ tiêu trồng rừng phòng hộ ước đạt 43%.



- Một số chính sách ban hành theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND được các tổ chức, cá nhân, nhân dân trên địa bàn tỉnh hưởng ứng, tích cực tham gia như: hỗ trợ trồng rừng sản xuất loài cây Quế; trồng rừng phòng hộ, đặc dụng.

## **2. Tồn tại vướng mắc**

- Chỉ tiêu trồng rừng gỗ lớn khó hoàn thành (*đến thời điểm báo cáo mới chỉ đạt 974/8.500 ha, đạt 11,5% mục tiêu đề ra*), do hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn được định hướng thu hút các doanh nghiệp thực hiện, tuy nhiên hiện tại việc thu hút các doanh nghiệp tham gia trồng rừng gỗ lớn còn gặp nhiều khó khăn, số lượng doanh nghiệp tham gia trồng rừng chưa nhiều, chưa có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp tích tụ đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Liên kết trong phát triển lâm nghiệp còn rất hạn chế do chu kỳ sản xuất lâm nghiệp dài, rủi ro cao, các thủ tục liên kết phức tạp, nhiều điều kiện ràng buộc...

- Công tác giao rừng thực hiện còn chậm; tổ chức triển khai, thực hiện theo dõi diễn biến rừng còn gặp một số bất cập.

- Chưa thực hiện hoàn thành mục tiêu thành lập khu rừng đặc dụng tại huyện Mường Tè, cắm mốc phân định ranh giới rừng cho 03 Ban Quản lý rừng phòng hộ.

- Xây dựng, thẩm định, phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững cho các chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ còn chậm về tiến độ.

- Việc trồng dặm, trồng bổ sung rừng còn thấp, quản lý bảo vệ rừng, tỷ lệ rừng trồng thành rừng chưa cao.

## **3. Đề xuất, kiến nghị**

Đề nghị UBND tỉnh cho điều chỉnh chỉ tiêu khối lượng giữa các huyện, thành phố trong tổng khối lượng đề án được giao, đảm bảo thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra. Đồng thời cho điều chỉnh chỉ tiêu khối lượng giữa trồng cây gỗ lớn và cây quế trong tổng khối lượng trồng rừng sản xuất được giao trong đề án.

## **IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 04-ĐA/TU NGÀY 25/8/2021 CỦA TỈNH ỦY VỀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THIẾT YẾU CÁC KHU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP HÀNG HÓA TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

### **1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ**

#### **1.1. Kết quả thực hiện**

a) Vùng chè: Đã thực hiện phê duyệt dự án và ký hợp đồng triển khai thi công cho 12/15 công trình, cụ thể:

- Huyện Than Uyên 03 công trình với 27 km đường GTNT cấp C để phục vụ vùng sản xuất khoảng 631 ha.

- Huyện Tân Uyên 02 công trình với 15 km đường GTNT cấp C để phục vụ vùng sản xuất khoảng 630 ha.

- Huyện Tam Đường 03 công trình với 10,75 km đường GTNT cấp C để phục vụ vùng sản xuất khoảng 350 ha.
  - Thành phố Lai Châu 01 công trình với 13 km đường GTNT cấp C để phục vụ vùng sản xuất khoảng 200 ha.
  - Huyện Phong Thổ 03 công trình với 41,5 km đường GTNT cấp C để phục vụ vùng sản xuất khoảng 680 ha.
- b) Vùng sản xuất lúa hàng hóa: Đã thực hiện phê duyệt dự án và ký hợp đồng triển khai thi công cho 11/13 công trình, cụ thể:
- Huyện Than Uyên 02 công trình với 7,7 km đường GTNT cấp C, kiên cố 01 đầu mối, nâng cấp 15km kênh mương để phục vụ vùng sản xuất khoảng 460 ha.
  - Huyện Tân Uyên 02 công trình với 4,5 km đường GTNT cấp C, kiên cố 08 đầu mối, nâng cấp 4,3 km kênh mương để phục vụ vùng sản xuất khoảng 327 ha.
  - Huyện Tam Đường 01 công trình để kiên cố 03 đập đầu mối và 6,6km kênh mương phục vụ vùng sản xuất khoảng 301 ha.
  - Thành phố Lai Châu 01 công trình để kiên cố 04 đập đầu mối và 5,1km kênh mương phục vụ vùng sản xuất khoảng 94 ha.
  - Huyện Phong Thổ 02 công trình với 4,23 km đường GTNT cấp C, kiên cố 02 đầu mối, nâng cấp 1,99 km kênh mương để phục vụ vùng sản xuất khoảng 122 ha.
  - Huyện Sìn Hồ 01 công trình để kiên cố 01 đầu mối, đầu tư mới 0,7 km kênh và nâng cấp 1,9 km kênh mương nhằm phục vụ vùng sản xuất khoảng 147 ha.
  - Huyện Nậm Nhùn 01 công trình để kiên cố 01 đầu mối, nâng cấp 2,0 km kênh mương nhằm phục vụ vùng sản xuất khoảng 75 ha.
  - Huyện Mường Tè 01 công trình để kiên cố 02 đầu mối, nâng cấp 4,6 km kênh mương nhằm phục vụ vùng sản xuất khoảng 82 ha.
- c) Vùng quế: Đã thực hiện phê duyệt dự án và ký hợp đồng triển khai thi công cho 12 công trình, cụ thể:
- Huyện Than Uyên 02 công trình với 3,5km đường GTNT cấp C (2,5km vùng quế đã trồng và 1,0km vùng trồng mới) để phục vụ vùng sản xuất khoảng 1.061 ha.
  - Huyện Tân Uyên 03 công trình với 17,2km đường GTNT cấp C (15,8km vùng quế đã trồng và 1,4km vùng trồng mới) để phục vụ vùng sản xuất khoảng 3.482 ha.
  - Huyện Phong Thổ 02 công trình với 2,0km đường GTNT cấp C (1,0km vùng quế đã trồng và 1,0km vùng trồng mới) để phục vụ vùng sản xuất khoảng 527 ha.
  - Huyện Sìn Hồ 02 công trình với 7,0km đường GTNT cấp C (6,0km vùng quế đã trồng và 1,0km vùng trồng mới) để phục vụ vùng sản xuất khoảng 2.306 ha.
  - Huyện Nậm Nhùn 01 công trình với 2,0km đường GTNT cấp C để phục vụ vùng quế đã trồng khoảng 561 ha.

- Huyện Mường Tè 02 công trình với 4,0km đường GTNT cấp C (3,0km vùng quế đã trồng và 1,0km vùng trồng mới) để phục vụ vùng sản xuất khoảng 1.350 ha.

*(Chi tiết theo biểu 3 kèm theo)*

## **1.2. Kinh phí**

- Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 821.793 triệu đồng, trong đó: Nguồn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 441.963 triệu đồng; Nguồn vốn vay ODA: 228.766 triệu đồng; Nguồn xã hội hóa: 151.064 triệu đồng.

- Tổng kinh phí đã được phân bổ là 31.515 triệu đồng (*Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2022*). Dự kiến đến hết năm 2022 giải ngân hết 31.515 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

## **2. Đánh giá chung**

### **2.1. Kết quả đạt được**

- Đã chủ động triển khai học tập, tổ chức tuyên truyền kịp thời đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân từ đó nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện Đề án. Kịp thời ban hành Kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị để thực hiện Đề án.

- Đã chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền kịp thời ban hành chủ trương đầu tư; đồng thời triển khai lập Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật và tổ chức ký kết hợp đồng đảm bảo theo đúng theo các nhiệm vụ trong Đề án.

- Kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp được quân tâm đầu tư; Nhân dân tích cực tham gia đóng góp ngày công, hiến đất để xây dựng; hệ thống hạ tầng thiết yếu tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung dần được hình thành, bước đầu đã đem lại hiệu quả thiết thực; định hướng tổ chức sản xuất có sự gắn kết chặt chẽ từ phát triển vùng nguyên liệu tập trung đến chế biến, bảo quản tại chỗ gắn với thị trường tiêu thụ.

- Bước đầu thu hút được các Doanh nghiệp đầu tư, khuyến khích sự tham gia đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư hệ thống hạ tầng thiết yếu tương đối đồng bộ nhằm hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

- Các dự án khởi công mới năm 2022 (35 dự án) được UBND tỉnh phân bổ 31.515 triệu đồng để triển khai thực hiện. Đến ngày 31/12/2022 dự kiến hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp, tổ chức khởi công thi công và giải ngân 100% số vốn được giao năm 2022.

## **2.2. Tồn tại, hạn chế**

- Việc chỉ đạo ở một số cấp ủy, chính quyền cơ sở còn thiếu quyết liệt, tổ chức học tập triển khai Đề án, Nghị quyết tiến độ còn chậm, hình thức triển khai chưa đa dạng phong phú; xây dựng kế hoạch chưa cụ thể, chưa gắn với thực tế địa phương. Việc chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nội dung của Đề án, Nghị quyết chưa được thường xuyên.

- Việc huy động nguồn lực đầu tư, xã hội hóa và huy động tham gia, đóng góp của Nhân dân trong xây dựng hạ tầng thiết yếu vùng sản xuất nông nghiệp tập trung có mặt còn hạn chế.

- Tiến độ thực hiện các dự án còn chậm do phụ thuộc vào nguồn vốn; một số dự án khi xây dựng kế hoạch thực hiện chưa được dự toán chi tiết, các vấn đề phát sinh trong quá trình lập dự án như điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục cho phù hợp với thực tế dẫn đến nhu cầu kinh phí tăng so với dự kiến ban đầu.

## **2.3. Nguyên nhân**

- Cấp ủy, chính quyền một số xã thiếu quyết liệt trong chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; việc phát huy vai trò của cộng đồng dân cư và người dân trong quản lý và sử dụng các công trình hạ tầng được đầu tư còn hạn chế. Một số hộ dân không đồng ý hiến đất hoặc hiến đất nhưng không đủ diện tích theo hồ sơ thiết kế dẫn đến phải thực hiện công tác đo đạc, khảo sát nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Suất đầu tư đối với dự án về giao thông còn thấp (*1.550 triệu đồng/1km*), dẫn đến một số dự án không đủ cứng hóa hết chiều dài mặt đường.

- Do địa hình dốc, giao thông đi lại khó khăn, quỹ đất để thu hút đầu tư còn hạn hẹp nên khó khăn trong việc khuyến khích doanh nghiệp vào đầu tư. Ngoài ra việc thực hiện chính sách tập trung đất đai còn gặp nhiều khó khăn, nhiều hộ gia đình không đồng ý cho các đơn vị Doanh nghiệp, HTX thuê đất, không thoả thuận được mức giá cho thuê đất.

## **3. Đề xuất, kiến nghị**

Đề nghị UBND tỉnh quan tâm, sớm phân bổ kinh phí để UBND các huyện, thành phố tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

## **V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 12/2019/NQ-HĐND NGÀY 23/7/2019 CỦA HĐND TỈNH QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **1. Tình hình thực hiện**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định: số 961/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 Ban hành Kế hoạch thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; số 1447/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 Ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Lai

Châu; số 1587/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 Phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; số 487/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; số 02/2020/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 Ban hành Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Đến nay chưa có đề xuất hỗ trợ theo Nghị quyết.

## **2. Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025**

- Nguồn vốn ngân sách trung ương: Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025: 143.000 triệu đồng. Hiện nay trung ương chưa giao kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương, trong đó dành một khoản hỗ trợ đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn: 107.000 triệu đồng (chưa giao chi tiết).

## **3. Khó khăn, vướng mắc**

- Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương: trình tự, thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư công còn chưa được hướng dẫn cụ thể (trình tự, thủ tục đầu tư của các dự án có những cách hiểu khác nhau giữa Nghị định 57/2018/NĐ-CP, quyết định chủ trương đầu tư cho các danh mục dự án được khuyến khích đầu tư hay cho dự án khuyến khích đầu tư); mặt khác đến nay Chính phủ chưa giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với những nội dung này.

- Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương: đã được UBND tỉnh giao kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 (chưa giao chi tiết đến danh mục), tuy nhiên đến nay chưa thực hiện được là do trình tự, thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư công còn chưa được hướng dẫn cụ thể (trình tự, thủ tục đầu tư của các dự án có những cách hiểu khác nhau giữa Nghị định 57/2018/NĐ-CP, quyết định chủ trương đầu tư cho các danh mục dự án được khuyến khích đầu tư hay cho dự án khuyến khích đầu tư).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình số 9310/TTr-BKHĐT ngày 29/12/2021 trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và Công văn số 3416/BKHĐT-KTNN ngày 25/5/2022 về việc rà soát, hoàn thiện Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP gửi Văn phòng Chính phủ. Tuy nhiên, đến nay Chính phủ chưa ban hành.

## **VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 13/2019/NQ-HĐND NGÀY 23/7/2019 CỦA HĐND TỈNH QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**I. Kết quả triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 và liên kết chuỗi giá trị**

### **1. Kết quả triển khai thực hiện chính sách**

#### **1.1. Kết quả phê duyệt các dự án, kế hoạch liên kết**

Tính đến thời điểm hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh đã phê duyệt hỗ trợ được 08 Dự án/kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh với quy mô liên kết 1.065 ha và kinh phí nhà nước hỗ trợ 68.219 triệu đồng.

Ngoài ra, các huyện đã phê duyệt hỗ trợ 02 chuỗi giá trị theo chính sách liên kết để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa (01 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa Tẻ râu trên địa bàn huyện Phong Thổ với quy mô 73,7ha do Công ty TNHH 1 thành viên giống vật tư nông nghiệp Tây Bắc làm chủ trì liên kết với 197 hộ dân tham gia liên kết, tổng kinh phí thực hiện liên kết 5.663 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 3.195,8 triệu đồng; 01 kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa Sến Cù trên địa bàn huyện Tam Đường, quy mô liên kết 354 ha, kinh phí nhà nước hỗ trợ 4.530.000.000 đồng) và 01 Dự án, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị theo chương trình MTQG (chuỗi liên kết chăn nuôi bò trên địa bàn huyện Than Uyên với quy mô 148 con, với tổng kinh phí 1.580 triệu do HTX Ngọc Ánh làm chủ trì liên kết).

#### **1.2. Kết quả triển khai thực hiện các dự án liên kết đã được phê duyệt**

a) Kế hoạch liên kết trồng cây Chanh leo tại huyện Tam Đường và Tân Uyên

- Diện tích trồng năm 2020: 41,12/50ha (*Tam Đường 16,21 ha/20 ha và Tân Uyên 24,91ha/30ha*); Diện tích trồng năm 2021: 35,04ha/30ha (*Tam Đường 26,07 ha/20 ha vượt 6,07ha so với kế hoạch năm và Tân Uyên 8,97ha/10ha*); Diện tích trồng năm 2022 đã trồng được 44,35ha/30ha (*Tam Đường 27,89 ha/20 ha; huyện Tân Uyên 16,47/10ha*).

- Kinh phí nghiệm thu, thanh toán hỗ trợ: Đơn vị được giao nguồn kinh phí đã nghiệm thu thanh quyết toán lũy kế đến hết năm 2021 là 3.822,250 triệu đồng (*huyện Tân Uyên: 1.646,452 triệu đồng và huyện Tam Đường: 2.175,798 triệu đồng*). Năm 2022 các huyện đang chỉ đạo chủ đầu tư, cơ quan chủ trì phối hợp với các bên liên quan hoàn thiện thủ tục hỗ trợ và giải ngân theo quy định dự kiến hoàn thành trước 31/12/2022.

Diện tích Chanh leo vùng liên kết hiện sinh trưởng, phát triển tốt; nhân dân đang chăm sóc theo đúng quy trình; các bên tham gia liên kết thực hiện cơ bản tuân thủ theo đúng hợp đồng liên kết và kế hoạch liên kết được duyệt.

#### b) Dự án liên kết Actiso tại huyện Sìn Hồ

- Diện tích trồng năm 2020: 14,2ha/50 ha (*đạt 28% kế hoạch năm*); Diện tích trồng năm 2021 được 5,96ha/50ha (*đạt 12% kế hoạch năm*), hiện tại Cây Actiso đã cho thu hoạch xong; Diện tích trồng năm 2022: Không thực hiện trồng mới, chủ trì liên kết do không tìm được nguồn giống để gieo trồng và chủ trì liên kết đã có văn bản báo cáo với UBND huyện Sìn Hồ về nội dung này.

- Kinh phí nghiệm thu, thanh toán hỗ trợ: Đơn vị được giao nguồn kinh phí đã nghiệm thu thanh quyết toán lũy kế đến hết năm 2021 là 629,496 triệu đồng (*năm 2020 là 586,478 triệu đồng và năm 2021 là 43,018 triệu đồng*).

- Diện tích Actiso tại vùng liên kết sinh trưởng phát triển tốt, tuy nhiên có một số diện tích cây Actiso sinh trưởng phát triển kém, năng suất thấp do chủ trì liên kết chưa sát sao trong việc hướng dẫn cách làm đất, bón phân cho cây trồng và chăm sóc cây Actiso sau trồng dẫn đến tỷ lệ sống một số nơi đạt tỷ lệ chưa cao. Một số hộ dân tham gia liên kết chưa thực hiện nghiêm các nội dung trong Hợp đồng liên kết như chưa đảm bảo đúng theo diện tích đã cam kết, chưa đầu tư chăm sóc cây Actiso theo quy trình kỹ thuật. Chủ trì liên kết chưa chủ động trong việc tìm nguồn giống và phối hợp triển khai thực hiện liên kết theo nội dung của Dự án liên kết đã được phê duyệt.

#### c) Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Lê VH6 trên địa bàn huyện Phong Thổ

- Đã triển khai trồng mới năm 2022 với diện tích 60ha, đạt 100% theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tỷ lệ sống đạt trên 95%. Đơn vị chủ trì liên kết đã tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các hộ tham gia liên kết, hướng dẫn và kiểm tra công tác chuẩn bị của các hộ tham gia dự án (đất, lao động, nguồn lực đối ứng...), trước khi cấp phát giống, vật tư, phân bón các loại cho các hộ tham gia dự án. Đồng thời tổ chức cấp giống, vật tư phân bón cho các hộ tham gia liên kết đảm bảo đúng đối tượng hưởng lợi, số lượng, chủng loại cây, giống và vật tư phân bón.

- Kinh phí nghiệm thu, thanh toán hỗ trợ: Đang hoàn thiện thủ tục nghiệm thu thanh toán hỗ trợ. Dự kiến đến hết 31/01/2023 thực hiện giải 2.611,5 triệu đồng đạt 99,9% kế hoạch vốn giao.

Cây Lê VH6 bước đầu sinh trưởng tốt, tỷ lệ sống đạt trên 95%. Các bên tham gia liên kết đã thực hiện đúng theo nội dung của Hợp đồng liên kết. Việc triển khai thực hiện các liên kết bước đầu cho thấy ưu điểm như tạo được vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, có qui mô lớn, theo hướng sản xuất hàng hóa. Tạo cho người dân có ý thức trong việc tham gia liên kết sản xuất nông nghiệp theo yêu cầu của thị trường.

d) Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Xoài GL4 trên địa bàn huyện Nậm Nhùn

- Đã triển khai trồng mới năm 2022 với diện tích 52/52ha (đạt 100% theo kế hoạch phê duyệt).

- Kinh phí nghiệm thu, thanh toán hỗ trợ: UBND huyện đã đăng ký vốn với UBND tỉnh và dự kiến triển khai thực hiện nghiệm thu vào năm 2023.

Cây Xoài GL4 bước đầu sinh trưởng tốt. Các bên tham gia liên kết đã thực hiện đúng theo nội dung của Hợp đồng liên kết.

e) Kế hoạch hỗ trợ liên kết sản xuất trồng và tiêu thụ quả chanh leo trên địa bàn huyện Tam Đường

- Năm 2022 đã hướng dẫn các hộ dân làm đất bón phân lót và trồng mới: 22ha/105ha kế hoạch. Còn lại 83ha, dự kiến cấp giống và trồng đầu tháng 01/2023.

- Kinh phí nghiệm thu, thanh toán hỗ trợ: Chưa thanh toán, hỗ trợ dự kiến sử dụng nguồn kinh phí phân bổ trong năm 2023 để nghiệm thu hỗ trợ.

Diện tích Chanh leo vùng liên kết hiện sinh trưởng, phát triển tốt; nhân dân đang chăm sóc theo đúng quy trình; các bên tham gia liên kết thực hiện cơ bản tuân thủ theo đúng hợp đồng liên kết và kế hoạch liên kết được duyệt.

g) Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau, củ, quả trên địa bàn xã Mường Kim, huyện Than Uyên:

- Diện tích đã trồng năm 2022: 23ha/23ha (*khoai tây: 20 ha, bí xanh: 03 ha*).

- Kinh phí nghiệm thu thanh, quyết toán: UBND huyện đang đơn đốc chủ đầu tư, cơ quan chủ trì phối hợp với các bên liên quan hoàn thiện thủ tục hỗ trợ và giải ngân theo quy định dự kiến hoàn thành trước 15/01/2023.

Cây khoai tây và bí xanh trong vùng liên kết sinh trưởng, phát triển tốt. Các bên tham gia liên kết đã thực hiện đúng theo nội dung của Hợp đồng liên kết.

h) Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau, củ, quả trên địa bàn xã Mường Cang, huyện Than Uyên

- Diện tích đã trồng mới năm 2022: 8,1ha/8,1ha (*khoai tây: 4,9 ha, Bí xanh: 0,6 ha; dưa chuột: 2,6 ha*).

- Kinh phí nghiệm thu thanh, quyết toán: UBND huyện đang đơn đốc chủ đầu tư, cơ quan chủ trì phối hợp với các bên liên quan hoàn thiện thủ tục hỗ trợ và giải ngân theo quy định dự kiến hoàn thành trước 15/01/2023.

Cây khoai tây, bí xanh và dưa chuột trong vùng liên kết sinh trưởng, phát triển tốt. Các bên tham gia liên kết đã thực hiện đúng theo nội dung của Hợp đồng liên kết.

i) Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau, củ, quả trên địa bàn xã Hua Nà, huyện Than Uyên



- Diện tích đã trồng mới năm 2022: 3,8 ha/3,8ha (*dưa chuột Nhật: 3,0 ha, Súp lơ 0,8 ha*).

- Kinh phí nghiệm thu thanh, quyết toán: UBND huyện đang đôn đốc chủ đầu tư, cơ quan chủ trì phối hợp với các bên liên quan hoàn thiện thủ tục hỗ trợ và giải ngân theo quy định dự kiến hoàn thành trước 15/01/2023.

Cây dưa chuột và súp lơ trong vùng liên kết sinh trưởng, phát triển tốt. Các bên tham gia liên kết đã thực hiện đúng theo nội dung của Hợp đồng liên kết.

### **1.3. Kết quả triển khai thực hiện chuỗi giá trị liên kết đã được phê duyệt**

a) Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa Tẻ râu trên địa bàn huyện Phong Thổ

- Đã triển khai trồng mới năm 2022 với diện tích 71,5ha đạt 100% theo kế hoạch đã được phê duyệt. Đơn vị chủ trì liên kết đã tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các hộ tham gia dự án, hướng dẫn và kiểm tra công tác chuẩn bị của các hộ tham gia dự án (đất, lao động, nguồn lực đối ứng...), trước khi cấp phát giống, vật tư, phân bón các loại cho các hộ tham gia dự án. Đồng thời tổ chức cấp giống, vật tư phân bón cho các hộ tham gia liên kết đúng đối tượng hưởng lợi, số lượng, chủng loại cây giống và vật tư phân bón.

- Kinh phí nghiệm thu thanh, quyết toán: Dự kiến đến hết 31/01/2023 thực hiện giải 3.195,7945 đồng triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn giao.

Cây lúa sinh trưởng, phát triển tốt, sâu bệnh hại không vượt quá ngưỡng gây hại kinh tế. Tại xã Đào San năng suất đạt 51 tạ/ha, tại xã Sin Suối Hồ năng suất đạt 49 tạ/ha. Các bên tham gia liên kết đã thực hiện đúng theo nội dung của Hợp đồng liên kết.

b) Kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa Sến Cù trên địa bàn huyện Tam Đường

- Năm 2022 đã triển khai trồng mới được 64,55 ha (Hồ Thầu 4,2 ha, Bình Lư 32,9 ha, Thị trấn Tam Đường 27,45 ha). Vụ đông xuân năm 2022-2023: Triển khai thực hiện 45 ha (*đã cấp giống và phân bón*), tại xã Bình Lư, Thèn Sin.

- Kinh phí nghiệm thu thanh, quyết toán: Kinh phí giao 1.510 triệu đồng, đã giải ngân kinh phí 771 triệu đồng. Tiếp tục nghiệm thu hoàn thiện hồ sơ giải ngân vụ đông xuân 2022-2023.

Cây lúa sinh trưởng, phát triển tốt, sâu bệnh hại không vượt quá ngưỡng gây hại kinh tế: Năng suất đạt 50 tạ/ha; sản lượng 322 tấn, giá bán 12 triệu đồng/tấn; tổng giá trị thu 3.864 triệu đồng, giá trị thu sau trừ chi phí 2.704 triệu đồng (lợi nhuận thu trung bình 41,9 triệu đồng/ha). Các bên tham gia liên kết đã thực hiện đúng theo nội dung của Hợp đồng liên kết.

c) Chuỗi liên kết chăn nuôi bò trên địa bàn huyện Than Uyên với quy mô 148 con, với tổng kinh phí 1.580 triệu do HTX Ngọc Ánh làm chủ trì liên kết

Năm 2022 đã triển khai thực hiện và đang hoàn thiện nghiệm thu thanh toán, dự kiến giải ngân trong trước ngày 31/12/2022.

Các bên tham gia liên kết đã thực hiện nghiêm túc hợp đồng liên kết, con giống cung ứng đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, các hộ tham gia liên kết được đơn vị chủ trì tập huấn, chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phương pháp thụ tinh nhân tạo, hiện đàn bò phát triển tốt, tỷ lệ sống đạt 100%.

*(Chi tiết theo biểu 4 kèm theo)*

## **2. Đánh giá chung**

### **2.1. Kết quả đạt được**

- Thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thời gian qua bước đầu đã khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp, người dân tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh, tạo tính ổn định, bền vững nâng cao thu nhập cho người dân trong sản xuất nông nghiệp, điển hình như chuỗi liên kết Chanh leo tại huyện Tam Đường. Góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, thay đổi nhận thức của người dân từ sản xuất manh mún, nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung với các sản phẩm, ngành hàng quan trọng có giá trị kinh tế cao theo định hướng phát triển của tỉnh.

- Thông qua các dự án/kế hoạch liên kết giúp người dân nâng cao năng lực, khắc phục những bất lợi về quy mô, diện tích, trình độ sản xuất; nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu rủi ro trong sản xuất kinh doanh; khắc phục tình trạng “được mùa mất giá” góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và giúp người dân yên tâm đầu tư, tham gia thực hiện liên kết sản xuất. Người dân được tiếp cận các quy trình kỹ thuật, các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong việc trồng và chăm sóc các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao đáp ứng thị hiếu thị trường và người tiêu dùng. Khuyến khích tạo vùng nguyên liệu tập trung, ổn định, thu hút các Công ty, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản nhằm nâng cao tính hiệu quả của liên kết; nâng cao thu nhập cho doanh nghiệp, người dân tham gia liên kết, góp phần nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp so với tập quán canh tác trước đây.

- Sản phẩm nông sản được sản xuất theo hướng liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm được kiểm soát một cách chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến khâu chăm sóc, thu hoạch và bảo quản... nên đáp ứng được các điều kiện vệ sinh ATTP, dễ dàng truy xuất nguồn gốc, góp phần tạo niềm tin cho người tiêu dùng trong nước và đáp ứng được nhu cầu xuất khẩu. Ngoài ra, tham gia các dự án/kế hoạch liên kết giúp giải quyết công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường góp phần đảm bảo an ninh, chính trị và đời sống cho người dân tại các vùng tham gia liên kết.

### **2.2. Tồn tại, hạn chế**

- Hiện trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị tư vấn xây dựng dự án liên kết. Các

doanh nghiệp tự xây dựng hồ sơ dự án, khả năng xây dựng hồ sơ dự án liên kết của các Doanh nghiệp còn hạn chế, do đó việc hoàn thiện các thủ tục còn chậm.

- Một số tác nhân tham gia liên kết chưa chấp hành nghiêm theo các nội dung trong Hợp đồng liên kết như về quy mô, diện tích. Chủ trì liên kết chưa chủ động trong việc tìm nguồn giống và phối hợp triển khai thực hiện liên kết theo nội dung của Dự án liên kết đã được phê duyệt (*Dự án Actiso tại huyện Sìn Hồ*).

- Các Doanh nghiệp, HTX trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn ít, quy mô sản xuất còn nhỏ, nguồn lực kinh tế còn hạn chế, năng lực quản lý còn yếu...do đó việc thực hiện các dự án liên kết với người dân để tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

- Giá vật tư đầu vào (*phân bón, giống...*) và thị trường tiêu thụ các sản phẩm liên kết còn khó khăn, chưa thực sự ổn định nên việc thu hút đầu tư các doanh nghiệp, HTX; các hộ dân chưa mạnh dạn tham gia liên kết.

- Việc triển khai hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn chậm. Công tác tham mưu, chỉ đạo thực hiện liên kết của một số huyện đạt hiệu quả chưa cao, công tác triển khai còn lúng túng.

### **2.3. Nguyên nhân**

- Công tác tuyên truyền, tham mưu, chỉ đạo thực hiện liên kết của một số cơ quan chuyên môn và chính quyền cấp cơ sở đạt hiệu quả chưa cao; chưa kịp thời kiểm tra, đôn đốc tiến độ của các dự án, kế hoạch liên kết theo các nội dung đã phê duyệt.

- Giá vật tư phân bón tăng cao hơn nhiều so với giá tại thời điểm phê duyệt hỗ trợ của nhà nước do đó việc đầu tư chăm sóc, phân bón và vật tư chưa đảm bảo theo tỷ lệ đối ứng.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất trên địa bàn tỉnh năm 2022. Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND tỉnh xem xét./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (B/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Đặng Văn Châu**